

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **60/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-5-2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyên

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 395/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1975

Địa chỉ: số 39/22 Nguyễn Hồng Đ, phường 14, quận B, thành phố H.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:**

Vào năm 2015 chị và anh Huỳnh Ngọc T chung sống trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đ (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108/2015, quyển số 01/2015 ngày 31/11/2015). Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do

bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, gây gổ. Mặt khác anh T không lo làm ăn, thường ăn nhậu, cờ bạc, không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã khuyên can và cho cơ hội nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Từ khoảng tháng 9/2022 anh chị sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Con chung: quá trình chung sống chị và anh T không có con chung.
- Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.
- Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị V xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Huỳnh Ngọc T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án cung cấp chứng cứ nên không có bản khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị V và anh Huỳnh Ngọc T tự nguyện chung sống vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đ. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị V khai là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T thường ăn nhậu, cờ bạc, không chung thủy dẫn đến vợ chồng cãi vã nên từ tháng 9/2022 anh chị sống ly thân nhau đến nay. Anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng không đến Tòa án thể hiện anh không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị V. Nay chị V xin ly hôn và khai không có con chung, không có tài sản chung. Căn cứ các Điều 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V có yêu cầu vắng mặt, anh Huỳnh Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

Chị Nguyễn Thị V yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Huỳnh Ngọc T, theo biên bản xác minh ngày 10/3/2023 tại Công an xã P, huyện N thì anh T có thường trú và đang sinh sống tại ấp G, xã P, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V, bị đơn là anh Huỳnh Ngọc T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Huỳnh Ngọc T chung sống vào năm 2015, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển số 01/2015 ngày 30/11/2015. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị V yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị V khai là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T thường ăn nhậu, cờ bạc, không chung thủy dẫn đến vợ chồng bất hoà. Từ khoảng tháng 9/2022 vợ chồng chị V sống ly thân nhau đến nay không hoà giải đoàn tụ lần nào. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án, thể hiện anh T không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị V. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V, anh T đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị V được ly hôn anh T là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị V khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5]. Tài sản chung: Chị V khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Chị V khai không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, chị V phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Huỳnh Ngọc T.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Huỳnh Ngọc T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009782 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị V đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị V, anh Huỳnh Ngọc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai